

Mức Lương đóng BHXH mới nhất 2020 (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)

Mức tiền lương và tỷ lệ trích đóng
các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2020

I. Các văn bản pháp luật quy định về bảo hiểm xã hội hiện hành:

Tên Văn Bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nội dung nổi bật
Luật số: 58/2014/QH13	20/11/2014	01/01/2016	Quy định chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội
Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH	29/12/2015	15/02/2016	- Các chế độ BHXH (ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất): về điều kiện hưởng, mức hưởng, thời gian hưởng. - Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc (điều 30)
Nghị định 44/2017/NĐ-CP	14/04/2017	01/06/2017	Quy định mức đóng hàng tháng và phương thức đóng BHXH bắt buộc vào Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
Quyết định 595/QĐ-BHXH	14/04/2017	01/07/2017	Ban hành quy trình thu (thủ tục tham gia, điều chỉnh tăng/giảm, truy thu) BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN, cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế. - Quy định về mức đóng, tỷ lệ trích nộp các khoản bảo hiểm
Quyết định 888/QĐ-BHXH	16/07/2018	01/07/2018	Sửa đổi Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN kèm theo Quyết định 595/QĐ-BHXH (Thay Mẫu TK1-TS)
Nghị định 143/2018/NĐ-CP	15/10/2018	01/12/2018	Quy định chi tiết về đối tượng và mức đóng BHXH bắt buộc cho NLĐ là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
Quyết định 166/QĐ-BHXH	31/01/2019	01/5/2019	Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp.
Nghị định 90/2019/NĐ-CP	09/11/2019	01/01/2020	Quy định lương tối thiểu vùng

II. Mức tiền lương tham gia bảo hiểm năm 2020:

1. Đối với khối hành chính sự nghiệp: Tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này tính trên mức lương cơ sở. (bao gồm cả hệ số chênh lệch bảo lưu theo quy định của pháp luật về tiền lương).

2. Đối với khối doanh nghiệp: Tiền lương do đơn vị quyết định

Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác
Trong đó:

- **Mức Lương:** ghi mức lương tính theo thời gian của công việc hoặc chức danh theo thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng theo quy định của pháp luật lao động mà hai bên đã thỏa thuận. Đối với người lao động hưởng lương theo sản phẩm hoặc lương khoán thì ghi mức lương tính theo thời gian để xác định đơn giá sản phẩm hoặc lương khoán.

- **Phụ cấp lương,** ghi các khoản phụ cấp lương mà hai bên đã thỏa thuận, cụ thể:

+ Các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ.

+ Các khoản phụ cấp lương gắn với quá trình làm việc và kết quả thực hiện công việc của người lao động.

- **Các khoản bổ sung khác**, ghi các khoản bổ sung mà hai bên đã thỏa thuận, cụ thể:

a) Các khoản bổ sung xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động và trả thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương.

b) Các khoản bổ sung không xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động, trả thường xuyên hoặc không thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương gắn với quá trình làm việc, kết quả thực hiện công việc của người lao động

Cụ thể từng khoản điều 6 của Quyết định 595/QĐ-BHXH về Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ – BNN như sau:

- **Các khoản phụ cấp phải cộng vào để tham gia bảo hiểm bắt buộc: phụ cấp chức vụ, chức danh; phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên; phụ cấp khu vực; phụ cấp lưu động; phụ cấp thu hút và các phụ cấp có tính chất tương tự.**

- **Các khoản không phải đóng bảo hiểm bắt buộc:** Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc không bao gồm các khoản chế độ và phúc lợi khác, như **tiền thưởng** theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật lao động, **tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động, trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác** ghi thành mục riêng trong HDLĐ theo Khoản 11 Điều 4 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP.

- **Lưu ý:** Phụ cấp chuyên cần không phải tham gia bảo hiểm bắt buộc (Theo Công văn số 3016/LĐTĐ-BHXH ngày 30/7/2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về tiền lương đóng BHXH bắt buộc)

* **Các lưu ý khi xác định mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:**

2.1. Mức tiền lương thấp nhất để tham gia BHXH bắt buộc hàng tháng trong năm 2020:

* **Không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm đóng đối với người lao động làm công việc hoặc chức danh giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường.**

- Bắt đầu từ ngày 01/01/2020, Mức lương tối thiểu vùng sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị định 90/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định 157/2018/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

VÙNG	Mức lương tối thiểu vùng năm 2019	Mức lương tối thiểu vùng năm 2020 (áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020)	Mức Lương Cơ Sở Của NN (áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020) <i>Từ T7/2020 Mức 1.6tr đồng/tháng</i>
Vùng 1	4.180.000 đồng/tháng	4.420.000 đồng/tháng (Tăng 240.000 đồng/tháng)	1.490.000 đồng/tháng
Vùng 2	3.710.000 đồng/tháng	3.920.000 đồng/tháng (Tăng 210.000 đồng/tháng)	1.490.000 đồng/tháng
Vùng 3	3.250.000 đồng/tháng	3.430.000 đồng/tháng (Tăng 180.000 đồng/tháng)	1.490.000 đồng/tháng
Vùng 4	2.920.000 đồng/tháng	3.070.000 đồng/tháng Tăng 150.000 đồng/tháng	1.490.000 đồng/tháng

Chi tiết về cách áp dụng mức lương tối thiểu vùng trong năm 2020 các bạn xem tại đây:

Mức lương tối thiểu vùng năm 2020

* **Người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi lao động qua đào tạo, học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng**
Ví dụ: Công ty A tuyển Bà Nguyễn Thị B vào làm kế toán viên (công việc này đòi hỏi đã qua đào tạo

trung cấp), làm việc trong môi trường bình thường, bà làm việc tại Q3. Chúng ta xác định mức lương thấp nhất để tham gia BHXH bắt buộc hàng tháng của bà B như sau: Quận 3 thuộc vùng 1: Có mức lương tối thiểu là: 4.420.000 đồng/tháng. Nhưng do công việc đòi hỏi đã qua đào tạo do đó phải cộng thêm 7% mức lương tối thiểu vùng nữa. =>Mức Lương để tham gia các khoản bảo hiểm bắt buộc (BHYT, BHYT, BHTN) thấp nhất theo mức lương tối thiểu vùng 1 mới năm 2020 là:

$$4.420.000 + (7\% \times 4.420.000) = 4.729.400 \text{ đồng/tháng}$$

1. Mức lương thấp nhất để đóng các khoản BH xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp năm 2020

Doanh nghiệp Thuộc Vùng	Mức lương thấp nhất để tham gia bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN) vào năm 2020	
	Đối với lao động chưa qua học nghề (làm công việc giản đơn nhất)	Đối với lao động đã qua học nghề (Phải cộng thêm 7%)
Vùng 1	4.420.000	4.729.400
Vùng 2	3.920.000	4.194.400
Vùng 3	3.430.000	3.670.100
Vùng 4	3.070.000	3.284.900

*** Người lao động làm công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường.**

2.2. Mức tiền lương cao nhất để tham gia BHXH bắt buộc hàng tháng trong năm 2020:

Loại Bảo Hiểm	Quy định mức	Không quá
Bảo Hiểm Xã Hội và Bảo Hiểm Y Tế	Không được cao hơn 20 lần mức lương tối thiểu chung.	$= 20 \times 1.490.000 = 29.800.000$
Bảo Hiểm Thất Nghiệp	Không được cao hơn 20 lần mức lương tối thiểu vùng.	$= 20 \times \text{"Mức lương tối thiểu của từng vùng"}$ VD: Vùng 1 $= 20 \times 4.420.000 = 88.400.000đ$

* Thông tin về mức lương tối thiểu chung:

- Mức lương tối thiểu chung hiện nay là: 1.490.000 đồng/tháng Theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP về mức lương cơ sở của cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang.
- **Từ 1/7/2020**, lương tối thiểu chung sẽ tăng lên 1.600.000 đồng/tháng theo Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

III. Bảng tỷ lệ trích đóng các khoản bảo hiểm mới nhất năm 2020 như sau:

Trách nhiệm đóng của các đối tượng	Tỷ lệ trích đóng các loại bảo hiểm bắt buộc			
	BHXH	BHYT	BHTN	Tổng cộng
Doanh nghiệp đóng	17,5%	3%	1%	21,5%

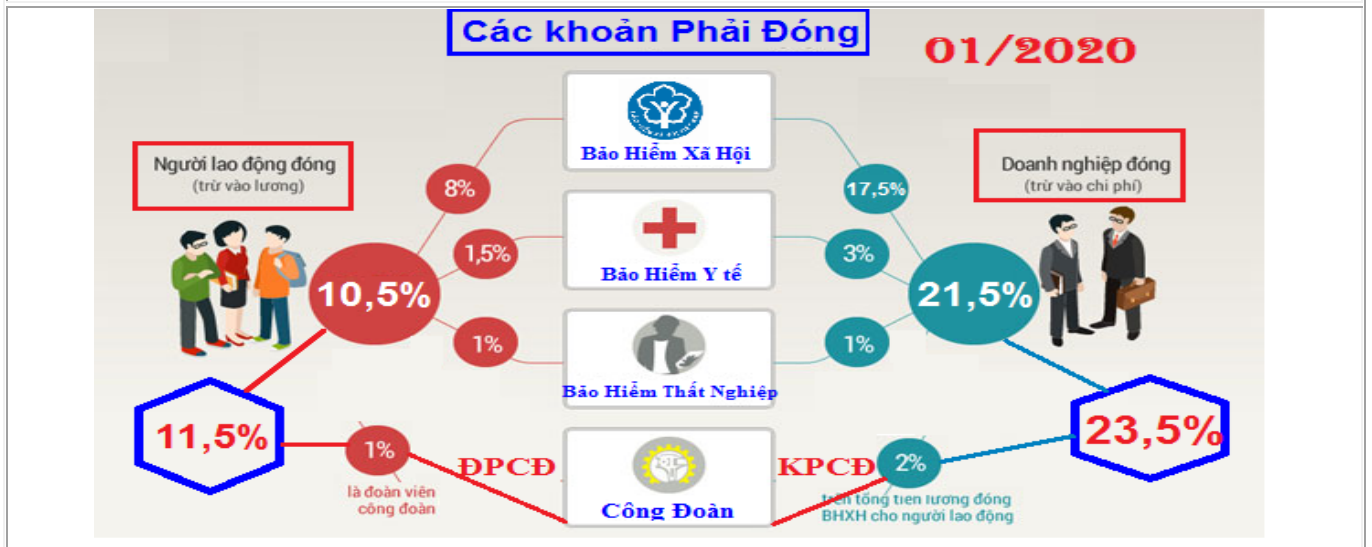
Người LĐ đóng	8%	1,5%	1%	10,5%
	TỔNG			32%

(Mức đóng bảo hiểm = Tiền lương tháng làm căn cứ đóng BH X Tỷ lệ trích các khoản bảo hiểm)

Trong đó: Tiền lương tháng làm căn cứ đóng BH được xác định như mục II nêu trên

(Theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH)

Vậy là: Tính đến thời điểm hiện tại thì tỷ lệ đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN của năm 2020 không có gì thay đổi so với năm 2019



Ghi chú: Khoản kinh phí công đoàn và đoàn phí công đoàn:

Ngoài các khoản trích về bảo hiểm bắt buộc nêu trên doanh nghiệp còn phải đóng thêm kinh phí công đoàn cho Liên Đoàn Lao Động Quận/Huyện.

Mức đóng kinh phí công đoàn = 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. (Theo Nghị định 191/2013/NĐ-CP). 2% kinh phí công đoàn này, doanh nghiệp phải đóng tất, người lao động không phải đóng kinh phí công đoàn.

Nhưng nếu người lao động tham gia công đoàn sẽ phải đóng đoàn phí. Chi tiết về mức đóng và phương thức đóng các bạn xem tại đây: [Đoàn phí công đoàn và Kinh phí công đoàn năm 2020](#)

IV. Ví dụ về cách xác định mức tiền đóng BH và cách thực hiện trích nộp.

*** Thông tin về người lao động:**

Nhân Viên (Ký HĐLĐ thời hạn 36 tháng)	Các khoản thỏa thuận trên hợp đồng lao động (Tính trên 1 tháng)							Tham gia tổ chức công đoàn
	Lương Chính	Phụ Cấp						
		Chức Vụ	Trách Nhiệm	Ăn	Điện Thoại	Xăng Xe	Nhà ở	
Lê Huỳnh A	6.000.000	2.000.000	0	850.000	500.000	400.000	1.000.000	Có
Nguyễn B	4.800.000	0	1.000.000	730.000	300.000	300.000	0	Không

*** Xác định các khoản phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc:**

Nhân Viên	Các Khoản Phải Tham Gia BHXH bắt buộc				Các Khoản Không Phải Tham Gia BHXH bắt buộc			
	Lương Chính	P/C Chức Vụ	P/C Trách Nhiệm	Tổng Cộng	Ăn	Điện Thoại	Xăng Xe	Nhà Ở
Lê Huỳnh A	6.000.000	2.000.000	0	8.000.000	850.000	500.000	400.000	1.000.000
Nguyễn B	4.800.000	0	1.000.000	5.800.000	730.000	300.000	300.000	0

*** Thực hiện trích nộp bảo hiểm, KPCĐ, ĐPCĐ:**

Nhân Viên	Lương	Bảo Hiểm	Công Đoàn
-----------	-------	----------	-----------

	Tham Gia Bảo Hiểm	Trích BH trừ vào lương nhân viên			Trích BH tính vào chi phí của DN			Kinh Phí Công Đoàn	Đoàn Phí Công Đoàn
		BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	DN đóng (2%)	NLĐ đóng (1%)
Lê Huỳnh A	8.000.000	640.000	120.000	80.000	1.400.000	240.000	80.000	160.000	80.000
Nguyễn B	5.800.000	464.000	87.000	58.000	1.015.000	174.000	58.000	116.000	0

Cách tính: Mức trích từng khoản (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ĐPCĐ) = Mức lương tham gia BHXH X Tỷ lệ trích

* Hình ảnh khoản phải đóng bảo hiểm và tỷ lệ trích nộp bảo hiểm từ ngày 01/01/2020:

BẢNG TRÍCH BẢO HIỂM THEO LƯƠNG																		
Tháng 2 năm 2020																		
Lương Chính	Phụ cấp				Hỗ Trợ Nhà ở	Tổng Thu Nhập	Ngày công thực tế	Tổng Lương Thực Tế	Lương đóng BH	Các khoản trích tính vào chi phí DN					Các khoản trích trừ vào lương			
	Trách nhiệm	Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe						KPCĐ (2%)	BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng
6,000,000	3,000,000	1,500,000	1,000,000	500,000	2,000,000	14,000,000	26	14,000,000	9,000,000	180,000	1,575,000	270,000	90,000	2,115,000	720,000	135,000	90,000	945,000
5,000,000	2,000,000	1,300,000	800,000	400,000	1,800,000	11,300,000	26	11,300,000	7,000,000	140,000	1,225,000	210,000	70,000	1,645,000	560,000	105,000	70,000	735,000

Xem thêm: Cách hạch toán tiền lương và các khoản trích bảo hiểm theo lương

V. Đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc:

1. Phải tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm BHXH, BH TNLĐ-BNN, BHYT, BHTN:

*. Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, bao gồm:

1. Người làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn, HĐLĐ xác định thời hạn, HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả HĐLĐ được ký kết giữa đơn vị với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;

2. Người làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng (thực hiện từ ngày 01/01/2018);

Lưu ý: Các đối tượng ký hợp đồng lao động từ 1 đến dưới 3 tháng chỉ phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, Không phải tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp (Theo thông báo số 3895/BHXH-TB ngày 29/12/2017 của bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội - Hướng dẫn về đối tượng tham gia và tiền lương làm căn cứ tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ ngày 01/01/2018)

Nhưng hợp đồng thử việc 1 hoặc 2 tháng có phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc không?
Mời các bạn tham khảo cụ thể tại đây: [Hợp đồng thử việc có phải đóng bảo hiểm không?](#)

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và viên chức;
- Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu đối với trường hợp BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân bàn giao cho BHXH tỉnh;
- Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương;
- Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn;
- Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 115/2015/NĐ-CP.
- Người hưởng chế độ phu nhân hoặc phu quân tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại Khoản 4 Điều 123 Luật BHXH.
- Người lao động tại các mục 1,2,3,4,5,6 nêu trên được cử đi học, thực tập, công tác trong và ngoài nước mà vẫn hưởng tiền lương ở trong nước thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc.

* Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (thực hiện từ ngày 01/01/2018 theo quy định của Chính phủ).

Chi tiết xem tại đây: **Mức tiền lương và tỷ lệ trích nộp BHXH bắt buộc cho người nước ngoài làm việc tại VN**

* Người sử dụng lao động tham gia BHXH bắt buộc bao gồm: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo HĐLĐ.

Lưu ý: Với người lao động giao kết nhiều HĐLĐ.

a) Người lao động đồng thời có từ 02 HĐLĐ trở lên với nhiều đơn vị khác nhau thì đóng BHXH, BHTN theo HĐLĐ giao kết đầu tiên, đóng BHYT theo HĐLĐ có mức tiền lương cao nhất.

b) Trường hợp người lao động giao kết HĐLĐ với nhiều người sử dụng lao động mà đã đóng BHXH và quỹ BH TNLĐ-BNN tại một nơi thì người sử dụng lao động nơi còn lại phải đóng BH TNLĐ-BNN cho người lao động nếu người lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH bắt buộc.

- Thời hạn và thủ tục tham gia xem chi tiết tại đây: **Thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội lần đầu**

VI. Phương thức đóng theo quy định tại Điều 87 của Quyết định 595/QĐ-BHXH, cụ thể như sau:

1. Đóng hằng tháng

Hằng tháng, chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, đơn vị trích tiền đóng BHXH bắt buộc trên quỹ tiền lương tháng của những người lao động tham gia BHXH bắt buộc, đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc của từng người lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

Lưu ý: Khi lập ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền đơn vị phải ghi đầy đủ 3 tiêu chí: tên đơn vị, mã đơn vị tham gia BHXH, nội dung nộp tiền.

2. Đóng 03 tháng hoặc 06 tháng một lần

Đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán thì đóng theo phương thức hằng tháng hoặc 03 tháng, 06 tháng một lần. Chậm nhất đến ngày cuối cùng của phương thức đóng, đơn vị phải chuyển đủ tiền vào quỹ BHXH.

3. Đóng theo địa bàn

3.1. Đơn vị đóng trụ sở chính ở địa bàn tỉnh nào thì đăng ký tham gia đóng BHXH tại địa bàn tỉnh đó theo phân cấp của BHXH tỉnh.

3.2. Chi nhánh của doanh nghiệp hoạt động tại địa bàn nào thì đóng BHXH tại địa bàn đó hoặc đóng tại Công ty mẹ. (Theo Khoản 1 Điều 1 Quyết định 888/QĐ-BHXH sửa đổi, bổ sung Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 7 của Quyết định số 595/QĐ-BHXH)

VII. Một vài các lưu ý mà các bạn cần quan tâm khi đóng bảo hiểm:

1. Người lao động đồng thời có từ 02 HĐLĐ trở lên với nhiều đơn vị khác nhau thì đóng BHXH, BHTN theo HĐLĐ giao kết đầu tiên, đóng BHYT theo HĐLĐ có mức tiền lương cao nhất, đóng BHTNLĐ, BNN theo từng HĐLĐ.

2. Các trường hợp không phải đóng BHXH:

+ Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng BHXH tháng đó. Thời gian này không được tính để hưởng BHXH.

+ Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định của pháp luật về BHXH thì không phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT.

3. Người lao động ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động mà vẫn được hưởng tiền lương thì người lao động và đơn vị thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN theo mức tiền lương người lao động được hưởng trong thời gian ngừng việc.

4. Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì đơn vị và người lao động không phải đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN, thời gian này được tính là thời gian đóng BHXH, không được tính là thời gian đóng BHTN và được cơ quan BHXH đóng BHYT cho người lao động.

Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được ghi trên sổ BHXH theo mức tiền lương đóng BHXH của tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. Trường hợp trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản người lao động được nâng lương thì được ghi theo mức tiền lương mới của người lao động từ thời điểm được nâng lương.

Người lao động đang làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên.

- Trường hợp HĐLĐ hết thời hạn trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đến khi HĐLĐ hết thời hạn được tính là thời gian đóng BHXH, thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản sau khi HĐLĐ hết thời hạn không được tính là thời gian đóng BHXH.

- Thời gian hưởng chế độ thai sản của người lao động chấm dứt HĐLĐ, HĐLV hoặc thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi không được tính là thời gian đóng BHXH.

- Trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh được tính là thời gian đóng BHXH, kể từ thời điểm đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con thì lao động nữ và đơn vị phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

- Trường hợp người cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng, người mẹ nhờ mang thai hộ, người cha nhờ mang thai hộ hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng hưởng chế độ thai sản mà không nghỉ việc thì người lao động và đơn vị vẫn phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

(Theo điều 42 của Quyết định 595/QĐ-BHXH)

Trốn đóng BHXH bị phạt bảy năm tù

Theo Điều 216 Bộ luật Hình sự (sửa đổi) quy định người nào có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ sáu tháng trở lên, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, phạm tội thì bị phạt tiền từ 500 triệu đồng đến 1 tỉ đồng hoặc bị phạt tù 2-7 năm.

- Các doanh nghiệp vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội được quy định tại nghị định Số: 95/2013/NĐ-CP của chính phủ ban hành ngày 22/8/2013 sửa đổi tại Nghị định 88/2015/NĐ-CP. Xem chi tiết tại đây: [Mức phạt chậm đóng bảo hiểm xã hội](#)

Đây là quyền lợi của người lao động Kính mong các doanh nghiệp thực hiện tham gia bảo hiểm đầy đủ.